

Phụ lục 2
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYÊN ĐỔI SỐ
CẤP HUYỆN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2263 /QĐ-UBND ngày: 27/9/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Thông tin chung		
STT	Tên thông tin	Thông tin/ Số lượng
1.	Tên huyện/ thị xã/ thành phố Huế:	
2.	Địa chỉ liên hệ chính thức:	
3.	Địa chỉ trang/cổng thông tin điện tử (Website/Portal) chính thức:	
4.	Số lượng dân số:	
5.	Số lượng dân số trong độ tuổi lao động:	
6.	Số lượng hộ gia đình:	
7.	Số lượng xã và tương đương:	
8.	Số lượng thôn, xóm và tương đương:	
9.	Số lượng cơ quan/ đơn vị trực thuộc:	
10.	Số lượng công chức:	
11.	Số lượng viên chức (không tính viên chức thuộc các bệnh viện, trường học):	
12.	Số lượng máy chủ vật lý:	
13.	Số lượng máy trạm:	
14.	Số lượng hệ thống thông tin:	
15.	Số lượng doanh nghiệp:	
16.	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa:	
17.	Số lượng điểm phục vụ bưu chính:	
18.	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chuyên đổi số:	
19.	Số lượng thủ tục hành chính:	

Ghi chú:

- Phạm vi thống kê trong mục Thông tin chung là của huyện/ thị xã/ thành phố Huế tương ứng.

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
		730				
I	Nhận thức số	90				
1	Người đứng đầu địa phương là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số (BCĐ CDS)					
1.1	Ban hành Quyết định thành lập BCĐ CDS của địa phương do người đứng đầu làm trưởng ban	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các UBND cấp huyện thành lập BCĐ CDS của địa phương do người đứng đầu (Chủ tịch UBND cấp huyện/ Bí thư huyện/ Thị ủy) làm trưởng ban.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu đơn vị làm Trưởng Ban chỉ đạo thì đạt 100% tiêu chí - Cấp Phó của người đứng đầu đơn vị là Trưởng Ban chỉ đạo thì đạt 50% tiêu chí</p>	File điện tử có ký số Quyết định thành lập	
2	Người đứng đầu địa phương chủ trì, chỉ đạo chuyển đổi số (CDS)					

2.1	Tham gia đầy đủ các phiên họp BCD CDS của tỉnh, huyện	2	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Thành viên BCD CDS của tỉnh tham gia các cuộc họp BCD CDS của tỉnh; Thành viên BCD CDS của cấp huyện tham gia họp BCD CDS của cấp huyện.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cuộc họp tham gia là 4 cuộc cho 4 quý của năm đạt 2 điểm, tham gia 1 cuộc được tính 0,5 điểm - Một số đơn vị không có lãnh đạo đơn vị là thành viên BCD CDS của tỉnh sẽ không đánh giá tiêu chí này. 	Văn bản báo cáo thông kê có ký số từ đơn vị chủ trì tổ chức (VP UBND tỉnh, VP UBND cấp huyện)	
2.2	Tổ chức phiên họp BCD CDS của địa phương Quý 1	2	31.3	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 1 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 1 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số - Kết luận, Hình ảnh cuộc họp 	
2.3	Tổ chức phiên họp BCD CDS của địa phương Quý 2	2	30.6	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 2 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 2 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số - Kết luận -Hình ảnh cuộc họp 	

2.4	Tổ chức phiên họp BCD CDS của địa phương Quý 3	2	30.9	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 3 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 3 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm.</p>	<p>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</p> <p>- Kết luận, Hình ảnh cuộc họp</p>	
2.5	Tổ chức phiên họp BCD CDS của địa phương Quý 4	2	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 4 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 4 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm.</p>	<p>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</p> <p>- Kết luận cuộc họp - Hình ảnh cuộc họp</p>	
3	Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu địa phương ký					
3.1	Văn bản chỉ đạo về chính quyền số (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về chính quyền số trong đó trọng tâm: kế hoạch hoặc giải pháp phát triển về Chính quyền số</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 100% điểm tiêu chí</p> <p>- Cấp phó người đứng đầu đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 50% điểm tiêu chí</p>	<p>- Danh sách các văn bản được ban hành (File điện tử) - Lưu ý: File điện tử có sử dụng chữ ký số mới được xem hợp tài liệu hợp lệ</p>	

3.2	Văn bản chỉ đạo về kinh tế số (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	4	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về kinh tế số liên quan lĩnh vực, địa phương quản lý trong đó trọng tâm: kế hoạch hoặc giải pháp phát triển về kinh tế số; Văn bản chỉ đạo công tác phát triển kinh tế số</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 100% điểm tiêu chí - Cấp phó người đứng đầu đơn vị ký đạt 50% điểm tiêu chí</p>	- Danh sách các văn bản được ban hành (File điện tử) - Lưu ý: File điện tử có sử dụng chữ ký số mới được xem hợp tài liệu hợp lệ	
3.3	Văn bản chỉ đạo về xã hội số (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về xã hội số trong đó trọng tâm: kế hoạch hoặc giải pháp phát triển về xã hội số; Văn bản chỉ đạo CBCCV, người lao động tham gia thúc đẩy phát triển xã hội số trực tiếp trên Hue-S trong các lĩnh vực cơ bản: Dịch vụ công, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp, y tế, giáo dục, giao thông, du lịch.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ký tối thiểu 01 văn bản đạt 100% điểm tiêu chí - Cấp phó người đứng đầu đơn vị ký đạt 50% điểm tiêu chí</p>	- Danh sách các văn bản được ban hành (File điện tử) - Lưu ý: File điện tử có sử dụng chữ ký số mới được xem hợp tài liệu hợp lệ	
4	Chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số					
4.1	Có tin, bài về CDS cung cấp lên Cổng CDS của tỉnh (tối thiểu 2 bài/ 1 năm)	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị cung cấp thường xuyên các tin bài lên trang chuyển đổi số của tỉnh tại địa chỉ : https://dx.thuathienhue.gov.vn , bao gồm: Tin hoạt động chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị, tin hoạt động của đơn vị, tin về kết quả của đơn vị liên quan đến hoạt động chuyển đổi số.</p>	Các đơn vị chủ động cung cấp file danh sách các tin bài đã được phê duyệt đăng lên trang chuyển đổi số của tỉnh.	

				2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 02 tin bài được phê duyệt và đăng lên trang chuyên đổi số của tỉnh: đạt 100% điểm. - 01 tin bài: 50% điểm; 0 tin bài: 0 điểm		
5	Cổng thông tin điện tử của địa phương có chuyên mục riêng về chuyển đổi số					
5.1	Trang thông tin điện tử (TTĐT) của UBND cấp huyện có chuyên mục CDS	4	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Trang/ cổng thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị. 2. Điều kiện đảm bảo: Có khởi tạo chuyên mục đạt 100% điểm tiêu chí	Liên kết của chuyên mục CDS trên trang/ cổng thông tin điện tử	
5.2	Có tin, bài về CDS (tối thiểu 1 tháng 1 tin bài)	6	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Trang/ cổng thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị 2. Điều kiện đảm bảo: -Cập nhật tin bài tối thiểu 1 tin bài/1 tháng đạt 100% điểm tiêu chí (Số tin bài được chấm điểm theo tỷ lệ % quy đổi)	Báo cáo danh sách (Kèm theo liên kết trên trang/ cổng thông tin điện tử) bằng file điện tử	
6	Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số					
6.1	Đài Truyền thanh cấp huyện có chuyên mục CDS	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương cấp huyện có triển khai chuyên mục chuyển đổi số trên hệ thống phát thanh thông minh địa phương. 2. Điều kiện đảm bảo: - Văn bản triển khai được ban hành.	Dữ liệu điện tử và ký số	

7	Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số					
7.1	Tần suất phát sóng của Đài Truyền thanh cấp huyện (Tối thiểu 1 bài/ 1 tuần)	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương xây dựng kế hoạch truyền thông chuyển đổi số trên đài phát thanh cơ sở.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 1 tin bài được phát trong 1 tuần - Phát tin thống nhất trên hệ thống thông tin nguồn: điểm tối đa. 	Dữ liệu trên hệ thống thông tin nguồn	
8	Tỉ lệ người dân có kỹ năng tiếp cận thông tin chính thống trên nền tảng số					
8.1	Tỉ lệ người dân trên địa bàn tiếp cận kênh thông tin chính thống trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tuyên truyền kênh thông tin chính thống trên Hue-S thông qua các tổ chức, đặc biệt là Tổ công nghệ số cộng đồng.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% người dân nắm thông tin.</p>	Được thống kê từ hệ thống	
8.2	Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), người lao động trong cơ quan nhà nước tiếp cận kênh truyền thông nội bộ trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức tuyên truyền đến CBCCVC, người lao động tiếp cận kênh truyền thông nội bộ trên Hue-S.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC truy cập kênh thông tin để nắm thông tin.</p>	Văn bản chỉ đạo triển khai có ký số và được thống kê từ hệ thống	
II	Thế chế số	70				

1	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp ủy về chuyển đổi số của địa phương					
1.1	Ban hành Nghị quyết về CDS của cấp huyện	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - UBND các huyện, thị xã, thành phố trình Cấp ủy Đảng ban hành Nghị quyết chuyên đề Chuyển đổi số. 2. Điều kiện đảm bảo: - Nghị quyết chuyên đề	File điện tử có ký số của Nghị quyết	
2	Kế hoạch hành động 5 năm của địa phương về chuyển đổi số					
2.1	Ban hành kế hoạch 5 năm của các địa phương về CDS	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương ban hành Kế hoạch chuyển đổi số 5 năm giai đoạn 2021 – 2025. 2. Điều kiện đảm bảo: - Kế hoạch được ban hành phù hợp địa phương.	File điện tử có ký số của Kế hoạch	
3	Kế hoạch hành động hằng năm của địa phương về chuyển đổi số					
3.1	Ban hành kế hoạch hằng năm của các địa phương về CDS	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương ban hành Kế hoạch chuyên đổi số hằng năm 2. Điều kiện đảm bảo: - Kế hoạch được ban hành phù hợp địa phương	File điện tử có ký số của Kế hoạch	
4	Tham gia hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến thức Chính quyền điện tử của Tỉnh, thành phố					

4.1	Các UBND cấp huyện cử cán bộ dự tập huấn phổ biến kiến thức Chính quyền điện tử	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các UBND cấp huyện cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tham gia đầy đủ hội nghị triển khai, tổng kết Kiến thức Chính quyền điện tử do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tham gia đầy đủ các nội dung triệu tập</p>	Sở TT&TT theo dõi, xác nhận đối với kết quả báo cáo của các đơn vị	
5	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt công tác chi cho chuyển đổi số					
5.1	Các UBND cấp huyện cử cán bộ dự tập huấn phổ biến công tác chi cho CĐS	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các UBND cấp huyện cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tham gia đầy đủ hội nghị triển khai, tổng kết Kiến thức Chính quyền điện tử do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có nhân sự đúng thành phần tham gia</p>	- Văn bản phân công nhân sự - File phải có sử dụng chữ ký số	
6	Ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số					
6.1	Ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số của huyện, thị xã, thành phố	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện căn cứ văn bản của Tỉnh ban hành chính sách tỷ lệ chi ngân sách nhà nước tối thiểu cho chuyển đổi số phù hợp với địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Mức tối thiểu đảm bảo theo chính sách của tỉnh</p>	File điện tử ký số Quyết định	

7	Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)					
7.1	Ban hành chính sách của địa phương về khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương xây dựng và triển khai các chương trình hoặc tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <p>- Chương trình/ chính sách cần có tính thu hút sự tham gia của người dân trong các nội dung chính sau: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giảm lệ phí và hỗ trợ trả kết quả tại nhà, doanh nghiệp và một số chương trình khác theo thực tiễn thế mạnh của cơ quan, đơn vị.</p> <p>- Nếu TTHC của đơn vị có trong danh mục UBND tỉnh ban hành khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT vẫn được tính điểm cho đơn vị đó.</p>	File điện tử ký số Quyết định	
8	Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số					
8.1	Ban hành chính sách của huyện, thị xã, thành phố khuyến khích doanh nghiệp trên địa bàn chuyển đổi số	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện ban hành Chính sách khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Chính sách cần đảm bảo với thực tiễn.</p>	File điện tử ký số Quyết định	

III	Hạ tầng số	90				
1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh					
1.1	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động trong cơ quan, đơn vị (gồm đơn vị trực thuộc) có sử dụng điện thoại thông minh	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai các giải pháp đảm bảo 100% công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị có sử dụng điện thoại thông minh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% nhân sự sử dụng điện thoại thông minh - 100% nhân sự cài đặt Hue-S theo số điện thoại sử dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số liệu kiểm chứng qua Hue-S. - Sở TT&TT theo dõi, xác nhận đối với kết quả báo cáo của các đơn vị 	
1.2	Tỉ lệ dân số trưởng thành trên địa bàn có điện thoại thông minh	7	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch nhằm tăng số lượng người dân trưởng thành trên địa bàn có sử dụng điện thoại thông minh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% người dân trưởng thành có sử dụng điện thoại thông minh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch triển khai - Số liệu do Sở thông tin và Truyền thông xác nhận 	
2	Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh					
2.1	Tỉ lệ hộ gia đình trên địa bàn có điện thoại thông minh	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng điện thoại thông minh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hộ gia đình có ít nhất một nhân khẩu sử dụng điện thoại thông minh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số liệu khảo sát - Số liệu do Sở thông tin và Truyền thông xác nhận (lấy từ Cục Viễn thông) 	
3	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang					

3.1	Tỉ lệ hộ gia đình trên địa bàn có kết nối Internet băng rộng cáp quang	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp cùng doanh nghiệp đảm bảo 100% hộ gia đình có kết nối internet băng thông rộng. 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hộ gia đình có kết nối Internet băng thông rộng	Dữ liệu kiểm chứng từ số liệu quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông	
4	Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng					
4.1	Các địa phương có kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai lắp đặt kết nối mạng diện rộng tỉnh thông qua mạng số liệu chuyên dùng quốc gia (CP Net). 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% các địa phương (UBND cấp huyện, xã) kết nối thành công, đảm bảo dung lượng đường truyền theo số lượng máy.	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
5	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây					
5.1	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động có sử dụng tài khoản điện toán đám mây	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương đăng ký tài khoản điện toán đám mây của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVC đăng ký	STTTT đánh giá từ dữ liệu phát sinh từ Cloud tỉnh	
5.2	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động có phát sinh dữ liệu trên điện toán đám mây dùng chung	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương có triển khai lưu trữ tài liệu phục vụ công vụ của từng công chức, viên chức trên nền tảng điện toán đám mây của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: - Có dữ liệu phát sinh lưu trữ	STTTT đánh giá từ dữ liệu phát sinh từ Cloud tỉnh	

6	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung					
6.1	Nền tảng Báo cáo số	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện:</p> <p>+ Các địa phương triển khai sử dụng nền tảng báo cáo số (Trong công tác quản lý nhà nước tại địa phương – triển khai nền tảng dùng chung của tỉnh để các đơn vị/ doanh nghiệp trên địa bàn báo cáo lên cơ quan quản lý nhà nước địa phương- UBND cấp huyện. Báo cáo số được tích hợp trên Hue-S, trên Cổng Chuyển đổi số của tỉnh, trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Thừa Thiên Huế).</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: Phát sinh và khai thác tối thiểu 5 báo cáo số</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
6.2	Nền tảng Số hóa	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai sử dụng nền tảng số hóa dùng chung của tỉnh (được tích hợp trên Hue-S và trên Trang TTĐT sohoa.thuathienhue.gov.vn).</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tối thiểu 5 đối tượng dữ liệu (bảng dữ liệu) được số hóa lên nền tảng dùng chung.</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
6.3	Nền tảng làm việc số	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai sử dụng nền tảng làm việc số (được tích hợp trên Hue-S và trên Web)</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đã đưa vào sử dụng</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	

6.4	Nền tảng Quản lý bản đồ GIS	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương sử dụng nền tảng bản đồ số (được tích hợp trên Hue-S và trên Web).</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - có ít nhất một bản đồ được đưa vào sử dụng</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	
IV	Nhân lực số	60				
1	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức xã					
1.1	Tỉ lệ các xã, phường, thị trấn có thành lập tổ công nghệ số cộng đồng	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện ban hành Quyết định thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp xã</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ có sự tham gia của đoàn thanh niên. - Thành viên tham dự tổ có kỹ năng sử dụng Hue-S 	Quyết định file điện tử có ký số	
2	Sở Thông tin và Truyền thông có chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số					
2.1	Phòng Văn hóa thông tin cấp huyện có chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện ban hành quy định chức năng chuyển đổi số cho Phòng Văn hóa thông tin.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tuân thủ Quy định về đơn vị chuyên trách chuyển đổi số toàn tỉnh</p>	Quyết định file điện tử có ký số	
3	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số					

3.1	Có Quyết định phân công chuyên trách, kiêm nhiệm CĐS (chuyên trách đối với Sở ban ngành, UBND cấp huyện; khuyến khích đối với cấp xã)	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các địa phương ban hành Quyết định phân công cán bộ chuyên trách Chuyển đổi số của đơn vị - UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã phân công nhân sự kiêm nhiệm phụ trách chuyển đổi số tại các xã, phường, thị trấn (Khuyến khích chuyên trách đối với cấp xã). <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo chức năng, nhiệm vụ chuyên trách trong Quyết định</p>	Quyết định file điện tử có ký số	
4	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng					
4.1	Có Quyết định phân công chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương ban hành Quyết định phân công cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin mạng của đơn vị (chuyên trách đối với sở ban ngành, UBND cấp huyện, khuyến khích đối với cấp xã; có thể sử dụng nhân sự chuyên trách, kiêm nhiệm CĐS)</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo chuyên trách trong Quyết định</p>	Quyết định file điện tử có ký số	
5	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số					
5.1	Tỉ lệ công chức, viên chức tham gia vào hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ TTTT (do Sở TTTT triển khai trên Hue-S)	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các đơn vị triển khai theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để công chức, viên chức tham gia vào hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ TTTT</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVC, NLĐ tham</p>	Sở TTTT thống kê từ hệ thống	

				gia đào tạo khi có triển khai; Điểm được tính theo tỉ lệ.		
5.2	Tự tổ chức hội nghị tập huấn (Tối thiểu 1 lần/năm)	4	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Tự tổ chức hoặc mời chuyên gia đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho CBCCVC trong đơn vị. 2. Điều kiện đảm bảo: Có tổ chức tối thiểu 1 lần/ năm đạt 100% điểm tiêu chí	Các văn bản triển khai có ký số/ hình ảnh liên quan.	
5.3	Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do Sở TTTT tổ chức	3	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Tham gia đầy đủ lớp đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức 2. Điều kiện đảm bảo: - Nhân sự được phân công nhiệm vụ chuyển đổi số của đơn vị đạt 50% điểm tiêu chí. - Tham gia đầy đủ thời gian và nội dung chương trình tập huấn đạt 50% điểm tiêu chí	- Văn bản phân công nhân sự tham gia chương trình (bằng file điện tử) - Quyết định file điện tử có ký số	
6	Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch					
6.1	Tỉ lệ người dân trên địa bàn được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch (trên Hue-S)	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thông qua tổ công nghệ số cộng đồng phổ biến nền tảng OneTouch cho người dân. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 50% người lao động được tập huấn	Thống kê trên hệ thống	

7	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).					
7.1	Tỉ lệ các trường học từ tiểu học đến trung học cơ sở trên địa bàn thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: UBND cấp huyện phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các nền tảng được tích hợp lên Hue-S trong các trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Các nền tảng cần triển khai: Mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.	Số liệu báo cáo (Văn bản có ký số)	
V	An toàn thông tin mạng	30				
1	Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)					
1.1	Tỉ lệ máy tính trong cơ quan nhà nước được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung của tỉnh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống mã độc tập trung của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% máy tính trong cơ quan, đơn vị có triển khai cài đặt phần mềm qua nền dùng chung của tỉnh đạt 100% điểm tiêu chí	Kiểm chứng trực tiếp từ dữ liệu tại trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh (IOC)	
1.2	Tỉ lệ máy tính trong cơ quan nhà nước được cài đặt phần mềm phòng chống virus tập trung của tỉnh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống virus tập trung của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% máy tính trong cơ quan, đơn vị có triển khai cài đặt phần mềm qua nền	Kiểm chứng trực tiếp từ dữ liệu tại IOC	

				dùng chung của tỉnh đạt 100% điểm tiêu chí		
2	Số lượng IP botnet được phát hiện, cảnh báo và xử lý, loại bỏ mã độc					
2.1	Tỉ lệ máy tính bị nhiễm mã độc	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống virus tập trung của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: - Không có máy tính bị nhiễm mã độc hoặc nếu có thì 100% máy tính bị nhiễm nhưng đã được xử lý, loại bỏ mã độc kịp thời.	Sở Thông tin và Truyền thông đánh giá qua thống kê theo dõi.	
3	Số lượng các cuộc diễn tập được triển khai					
3.1	Các UBND cấp huyện cử thành viên tham gia diễn tập	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: Các UBND cấp huyện cử thành viên tham gia diễn tập. 2. Điều kiện đảm bảo: Có tham gia.	Sở TT&TT theo dõi, xác nhận đối chiếu với kết quả báo cáo của các đơn vị.	
4	Số lượng sự cố đã phát hiện trong cơ quan nhà nước					-
4.1	Số lượng sự cố đã phát hiện trong UBND cấp huyện.	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thông triển khai các công cụ tổ chức giám sát phát hiện và cảnh báo an toàn thông tin trên hệ thống mạng CPNet của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: Không có sự cố xảy ra (100% số điểm); mỗi sự cố xảy ra trừ 1 điểm; ≥ 5 sự cố: 0 điểm	Thống kê trên hệ thống	-
5	Số lượng sự cố đã xử lý trong cơ quan nhà nước					

5.1	Số lượng sự cố đã xử lý trong UBND cấp huyện	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các đơn vị phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo xử lý 100% sự cố an toàn thông tin trong đơn vị khi phát hiện sự cố mất an toàn thông tin</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thực hiện xử lý khi xảy ra sự cố - Không xảy ra sự cố thì đạt điểm tối đa 	Hình ảnh và hồ sơ kèm theo	
VI	Hoạt động chính quyền số	165				
1	Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT và Cổng DVC) để cung cấp thông tin và DVCTT					
1.1	UBND cấp huyện tham gia vận hành DVCTT trên Hue-S	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện và điều kiện đảm bảo: UBND cấp huyện, xã tham gia vận hành DVCTT trên Hue-S</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: có vận hành DVCTT trên Hue-S</p>	Văn bản triển khai; Hình ảnh giao diện triển khai; Sở TT&TT trực tiếp rà soát	
2	Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp					
2.1	Tỉ lệ xử lý phản ánh hiện trường đúng hạn, trước hạn	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn</p>	Thống kê trên hệ thống	

2.2	Tỉ lệ mức độ hài lòng việc xử lý phản ánh hiện trường	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn	Thống kê trên hệ thống	
2.3	Tỉ lệ trả lại phản ánh không đúng thẩm quyền, đúng thời gian	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn	Thống kê trên hệ thống	
2.4	Tỉ lệ tương tác phản ánh của công dân có ý kiến	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn	Thống kê trên hệ thống	
2.5	Tỉ lệ bức xúc kết quả xử lý phản ánh hiện trường	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn	Thống kê trên hệ thống	
3	Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa					
3.1	Tỉ lệ hồ sơ trả kết quả được đính kèm tệp có ký số	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai hồ sơ trả kết quả được đính kèm tệp có ký số 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hồ sơ trả kết quả được đính kèm tệp có ký số đạt 100% điểm tiêu chí	Thống kê trên hệ thống	
3.2	Tỉ lệ hồ sơ DVCTT tái sử dụng hồ sơ điện tử	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển	Hình ảnh/ video triển khai; Sở TTTT theo	

				khai tái sử dụng hồ sơ điện tử. 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hồ sơ DVCTT được tái sử dụng	đổi trên hệ thống	
4	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến					
4.1	Tỉ lệ hồ sơ đăng ký trực tuyến trên tổng hồ sơ phát sinh	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị tham mưu các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ người dân, doanh nghiệp tham gia đăng ký DVCTT. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ càng cao điểm càng cao	Thống kê trên hệ thống	
5	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến					
5.1	Tỉ lệ hồ sơ được số hóa tại bộ phận tiếp nhận	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị đảm bảo 100% hồ sơ được số hóa tại bộ phận tiếp nhận 2. Điều kiện đảm bảo: - Không phát sinh bước thực hiện bằng truyền thống không được số hóa	- Báo cáo kết quả thực hiện - Kiểm chứng từ dữ liệu trên hệ thống	
5.2	Tỉ lệ xử lý hồ sơ DVC trực tuyến trên tổng số hồ sơ phát sinh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị đảm bảo 100% các bước quy trình xử lý dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng thông qua hệ thống dùng chung của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: - Không phát sinh bước thực hiện bằng truyền thống không được số hóa	- Báo cáo kết quả thực hiện - Kiểm chứng từ dữ liệu trên hệ thống	
6	Thanh toán DVC trực tuyến					

6.1	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, địa phương tăng cường tuyên truyền hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tham gia thanh toán DVC trực tuyến trên cổng DVCTT 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ càng cao điểm càng cao	Thống kê trên hệ thống	
7	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT					
7.1	Tỉ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT của UBND cấp huyện	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Sở Nội vụ tổ chức các giải pháp số đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong sử dụng dịch vụ công trực tuyến, kế hoạch nâng cao chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với việc xử lý DVCTT của địa phương 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ thuận theo số điểm	Từ hệ thống, Sở Nội vụ	
8	Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước					
8.1	Tỉ lệ CBCCVC và người lao động có cài đặt Hue-S và có đăng ký tài khoản	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị chỉ đạo CBCCVC và người lao động trong đơn vị cài đặt Hue-S và đăng ký tài khoản trên Hue-S 2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC và người lao động có cài đặt Hue-S và có đăng ký tài khoản	Thống kê trên hệ thống	

8.2	Tỉ lệ CBCCVC và người lao động có liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị chỉ đạo CBCCVC và người lao động trong đơn vị liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung. 2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC và người lao động có liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung	Thống kê trên hệ thống	
8.3	Triển khai nền tảng làm việc số trên Hue-S	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Tỉ lệ CBCCVC và người lao động trong đơn vị tổ chức triển khai nền tảng làm việc số trên Hue-S (văn phòng số) tại đơn vị, địa phương 2. Điều kiện đảm bảo: - Tính tỉ lệ CBCCVC và người lao động sử dụng trên tổng điểm	Hình ảnh, văn bản triển khai liên quan	
9	Triển khai nền tảng họp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Tỉnh, thành phố và đến từng thiết bị cá nhân					
9.1	Có triển khai tối thiểu 05 cuộc họp trực tuyến trên hệ thống của tỉnh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức triển khai họp trực tuyến trên hệ thống của tỉnh. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 05 cuộc họp	Hình ảnh, văn bản triển khai liên quan	
10	Triển khai nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước					
10.1	Có triển khai báo cáo số tại các cơ quan, đơn vị	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức triển khai nền tảng báo cáo số trên Hue-S tại đơn vị, địa phương. 2. Điều kiện đảm bảo: - Có văn bản triển khai	Hình ảnh, văn bản triển khai liên quan	

11	Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức					
11.1	Tỉ lệ CBCCVC sử dụng nền tảng trợ lý ảo (khi đã triển khai)	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức triển khai nền tảng trợ lý ảo tại đơn vị, địa phương. 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVC sử dụng	Thống kê trên hệ thống	
12	Triển khai Trang thông tin điện tử					
12.1	Trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24-06-2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các Sở ban ngành, địa phương tổ chức triển khai cung cấp đầy đủ thông tin trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% nội dung trên Trang thông tin điện tử được cung cấp theo quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP	Thống kê trên hệ thống	
13	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số					
13.1	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số trên địa bàn	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện thống kê tổng chi Ngân sách cho chính quyền số. 2. Điều kiện đảm bảo: - Thống kê đầy đủ	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	
VII	Hoạt động kinh tế số	105				
1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP					
1.1	Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh cung cấp sản phẩm trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S	15	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh cung cấp sản phẩm trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S.	Thống kê trên hệ thống	

				2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ doanh nghiệp doanh nghiệp, hộ kinh doanh cung cấp sản phẩm trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S tỷ lệ thuận theo số điểm		
1.2	Doanh thu phát sinh từ các giao dịch trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S	15	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai các giải pháp tuyên truyền đến tận hộ gia đình về sử dụng ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S. 2. Điều kiện đảm bảo: - Doanh thu phát sinh trên ứng dụng tích hợp thương mại điện tử trên Hue-S từ giao dịch của người dân địa phương tỷ lệ thuận theo số điểm	Thống kê trên hệ thống	
1.3	Tỉ lệ CBCCVC có thực hiện giao dịch thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị thực hiện thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ CBCCVC có phát sinh giao dịch thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S tỷ lệ thuận theo số điểm	Thống kê trên hệ thống	
2	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx					
2.1	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx	15	31.10	1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện phối hợp với Sở KHĐT, Sở TTTT triển khai chương trình truyền thông, các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn tiếp cận, tham gia chương trình hỗ trợ DN nhỏ và vừa chuyển đổi số; Thống kê doanh nghiệp tham gia CT này. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia tỷ lệ thuận theo số điểm	Báo cáo số liệu có ký số	

3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số					
3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn sử dụng nền tảng số	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện thống kê nhỏ và vừa trên địa bàn sử dụng nền tảng số. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng số tỷ lệ thuận theo số điểm	Báo cáo số liệu có ký số	
4	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử					
4.1	Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn sử dụng hợp đồng điện tử	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện chỉ đạo triển khai các giải pháp thúc đẩy sử dụng hợp đồng điện tử trong doanh nghiệp trên địa bàn; Thống kê doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử tỷ lệ thuận theo số điểm	Báo cáo số liệu có ký số	
5	Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử					
5.1	Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn nộp thuế điện tử	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - UBND cấp huyện chỉ đạo triển khai các giải pháp thúc đẩy nộp thuế điện tử trong doanh nghiệp trên địa bàn; Thống kê doanh nghiệp nộp thuế điện tử. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử tỷ lệ thuận theo số điểm	Báo cáo số liệu có ký số	
6	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định					

6.1	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định trên địa bàn	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương thống kê điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định trên địa bàn 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ thống kê tỷ lệ thuận theo số điểm	Báo cáo số liệu có ký số	
7	Tổng kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số					
7.1	Tổng kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số trên địa bàn	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương thống kê kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số trên địa bàn. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ thống kê tỷ lệ thuận theo số điểm	Báo cáo số liệu có ký số	
8	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số					
8.1	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số trên địa bàn	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Hằng năm các địa phương cấp huyện cân đối ngân sách chi thường xuyên chi cho chuyển đổi số trên địa bàn; thống kê tổng chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số trên địa bàn 2. Điều kiện đảm bảo: - Thống kê đầy đủ	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	
VIII	Hoạt động xã hội số	120				
1	Số lượng người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử					
1.1	Số lượng người dân trên địa bàn	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp	Báo cáo ký số xác	

	có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử			với Công an tỉnh tổ chức cấp phát tài khoản định danh điện tử cho người dân thông qua cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân được cấp phát	nhận	
1.2	Tỉ lệ người dân trên địa bàn có cài đặt Hue-S	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp với Sở TTTT tuyên truyền hướng dẫn cho người dân địa phương cài đặt Hue-S 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân có sử dụng điện thoại thông minh có cài Hue-S	Báo cáo ký số xác nhận, có tổng số dân trên địa bàn; Số dân có cài đặt Hue-S: thống kê trên hệ thống	
2	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác					
2.1	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có cài ví điện tử trên Hue-S	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương phối hợp với Sở TTTT tuyên truyền hướng dẫn cho người dân địa phương từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn cài đặt ví điện tử trên Hue-S. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân người từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có cài ví điện tử trên Hue-S	Báo cáo ký số xác nhận, có tổng số dân từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn; Số dân có cài đặt ví điện tử trên Hue-S: thống kê trên hệ thống	
2.2	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có tài khoản giao dịch tại ngân hàng	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tuyên truyền về thanh toán không tiền mặt 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.	Kiểm chứng thông qua tài liệu báo cáo của Ngân hàng nhà nước	

3	Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân					
3.1	Số lượng CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua USB Token	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai chữ ký số đến CBCCVC 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua USB Token.	Thống kê qua ứng dụng quản lý chữ ký số của Trung tâm chứng thực chữ ký số quốc gia	
3.2	Số lượng CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua SIM di động	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai chữ ký số đến CBCCVC 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua SIM di động.	Thống kê qua ứng dụng quản lý chữ ký số của TT chứng thực chữ ký số quốc gia	
4	Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số (trên tổng số hộ gia đình)					
4.1	Số hộ gia đình được số hóa và cấp địa chỉ số	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai số hóa và cấp địa chỉ số cho các hộ gia đình trên địa bàn 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hộ gia đình được số hóa và cấp địa chỉ số	Văn bản báo cáo số liệu có ký số; Sở TTTT kiểm chứng	
5	Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông					

5.1	Tỉ lệ người dân trên địa bàn truy cập kỹ năng số trên Hue-S	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương có giải pháp tuyên truyền để người dân biết, truy cập kỹ năng số trên Hue-S 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% người dân trên địa bàn truy cập kỹ năng số trên Hue-S	Văn bản báo cáo số liệu có ký số; Sở TTTT kiểm chứng	
6	Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử					
6.1	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử.	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương có giải pháp tuyên truyền để người dân biết, cài đặt, sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% người dân có điện thoại thông minh trên địa bàn có hồ sơ sức khỏe điện tử.	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	
7	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số					
7.1	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số trên địa bàn	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tự nghiên cứu, cân đối để đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số trên địa bàn; - Tổng hợp từ các nguồn liên quan thống kê tổng chi đầu tư từ Ngân sách cho xã hội số 2. Điều kiện đảm bảo: - Thống kê đầy đủ	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	
8	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số					

8.1	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số trên địa bàn	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tự nghiên cứu, cân đối nguồn chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước để chi thường xuyên cho xã hội số trên địa bàn; - Tổng hợp từ các nguồn liên quan thống kê tổng chi thường xuyên từ Ngân sách cho xã hội số 2. Điều kiện đảm bảo: - Thống kê đầy đủ	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	
9	Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền					
9.1	Số lượng vấn đề lấy ý kiến người dân	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai lấy ý kiến người dân các vấn đề quan trọng liên quan trong công tác quản lý của đơn vị; 2. Điều kiện đảm bảo: - Tối đa 10 ý kiến/ năm, mỗi ý kiến 1 điểm	Văn bản báo cáo, hình ảnh liên quan	
9.2	Tỉ lệ trả lời hỏi đáp trên Cổng/ Trang TTĐT	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai lấy ý kiến người dân các vấn đề quan trọng liên quan trong công tác quản lý của đơn vị; 2. Điều kiện đảm bảo: 100% các câu hỏi được trả lời	Văn bản báo cáo, hình ảnh liên quan	